HỆ THỐNG KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

I. TỪ LOẠI

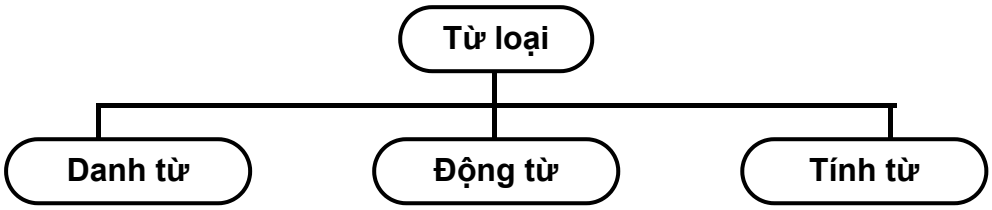

1. Danh từ

Danh từ là từ chỉ sự vật

- → **Người:** *giáo viên, học sinh, bác sĩ, kĩ sư,...*
- → **Vật:** *bàn, ghế, sách, vở, bút,...*
- → **Thời gian:** *mùa xuân, ban đêm, tháng năm,...*
- → **Hiện tượng tự nhiên:** *bão, lũ lụt, sương mù, cầu vồng,...*

Danh từ

Danh từ chung

- → Là tên của một loại sự vật.
- → Ví dụ: *trường học, bệnh viện, nhà ga,...*

Danh từ riêng

- → Là tên riêng của một sự vật. Danh từ riêng luôn được viết hoa.
- → Ví dụ: *Hồ Chí Minh, (chùa) Một Cột,...*

2. Động từ

Động từ là từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật

- → **Hoạt động:** *chạy, nhảy, ca hát, bơi lội,...*
- → **Trạng thái:** *buồn, vui, giận, hờn, thức, ngủ,...*

3. Tính từ

của sự vật,

- → Đặc điểm của sự vật: *cao, thấp, tròn, vuông, cứng, mềm,...*

Tính từ là đặc điểm hoạt động, trạng thái,...

→ Đặc điểm của hoạt động: *nhịp nhàng, uyển chuyển, vội vã,...*

→ Đặc điểm của trạng thái: *thanh thản, lo âu, bồn chồn,...*

BÀI TẬP VẬN DỤNG

Bài 1. Em hãy nối các từ sau vào nhóm phù hợp:

con chim	Danh từ	ríu rít
rực rỡ		ngủ say
bơi lội	Động từ	làm bài
bảo vệ		khổng lồ
cơn gió	Tính từ	nhộn nhịp
tuần sau		ngọn núi

Bài 2. Em hãy nối các tính từ sau vào nhóm từ phù hợp:

Hiền dịu / ngoan ngoãn / kiên nhẫn / năng động.	Chỉ hình dáng
Ầm ĩ / loảng xoảng / xôn xao / róc rách.	Chỉ tính cách
Nhỏ nhắn / gầy gò / to lớn / vĩ đại.	Chỉ âm thanh

Bài 3. Em hãy đánh dấu ☐ vào ô trống trước các động từ chỉ trạng thái:

☐ nhớ	☐ chạy	☐ bơi
☐ ghét	☐ buồn	☐ đói
☐ cắt	☐ gọi	☐ cười
☐ vui	☐ hờn	☐ viết

Bài 4. Tô màu xanh vào danh từ chung, tô màu vàng vào danh từ riêng:

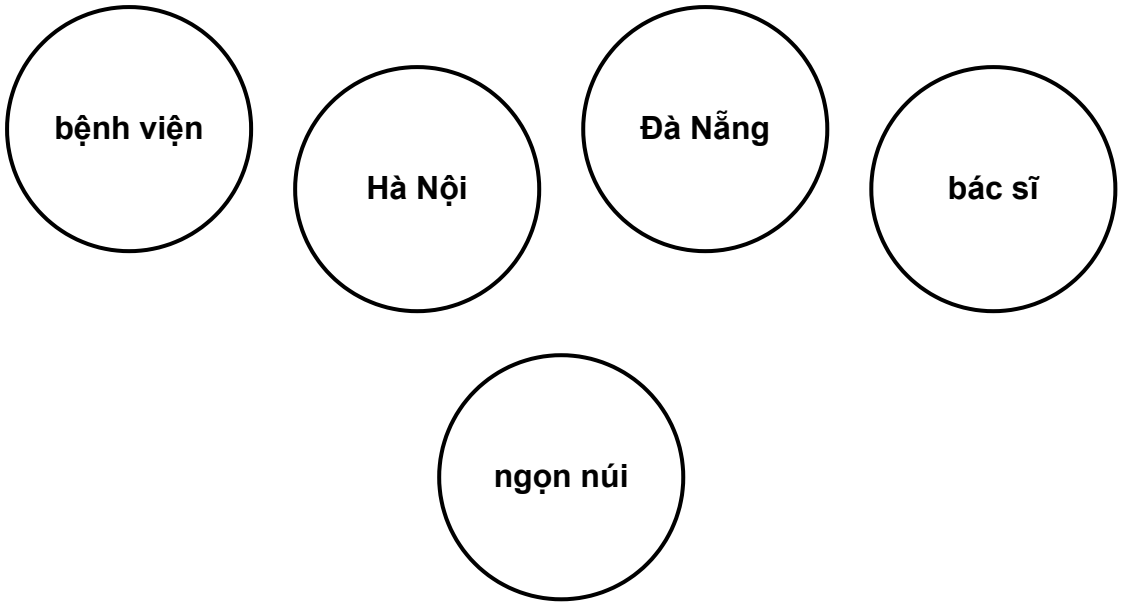

Bài 5. Em hãy đánh dấu ☐ trước đáp án chỉ chứa tính từ chỉ tính cách:

- ☐ Cao lớn / dũng cảm / thông minh / gầy gò.
- ☐ Dũng cảm / khiêm tốn / tự tin / nhút nhát.
- ☐ Nhanh nhẹn / tháo vát / lười biếng / đỏ chót.
- ☐ Tự tin / ngoan ngoãn / ồn ào / vui vẻ.